

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-01-2019
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Bích Loan**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Hễ;**
2. Ông **Huỳnh Phẩm Dũng Phát**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H (số 26 đường LTT, phường BN, Quận M) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 525/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phạm T**, sinh năm: 1975

Quốc tịch: Hoa Kỳ

Địa chỉ: 3031 Hummingbird Ln, Humble, TX 77396 USA.

- Bị đơn: Bà **Thạch L**, sinh năm: 1991

Địa chỉ: Ninh Thiện, xã Ninh Gia, huyện ĐT, tỉnh LD.

Địa chỉ cư trú: 391TK53/15A đường Trần H Đ, phường CK, Quận M, Thành phố H.

(Các đương sự đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 10.9.2018 và bản tự khai ngày 12.11.2018, ông **Phạm T** - nguyên đơn trình bày:

Năm 2017 ông và bà Thạch L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện ĐT, tỉnh LD (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 35 ngày 06.11.2017 do Ủy ban nhân dân huyện ĐT, tỉnh LD cấp).

Sau khi kết hôn, ông trở về Mỹ sinh sống và làm việc, bà L vẫn ở lại Việt Nam; do khoảng cách về địa lý nên cả hai không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc, chia sẻ những khó khăn, mâu thuẫn không được giải quyết kịp thời nên mối quan hệ vợ chồng trở nên xa cách dần. Giữa ông và bà L không tìm được sự đồng cảm nên không thể hiểu nhau làm cho cuộc sống hôn nhân của vợ chồng ngày càng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không thể giải quyết.

Ông Phạm T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà Thạch L.

Về con chung, nợ chung và tài sản chung: Ông Phạm T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 20.12.2018 và trong quá trình tố tụng, bà Thạch L – bị đơn trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Phạm T về việc kết hôn. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có sống chung với nhau một thời gian sau đó ông Phạm T trở về Mỹ sinh sống và làm việc, trước khi về Mỹ ông Phạm T có trao đổi với bà sẽ về nước sắp xếp công việc và làm các thủ tục theo yêu cầu của nước sở tại để đưa bà qua Mỹ đoàn tụ và sinh sống; tuy vợ chồng có khoảng cách về địa lý nhưng không có xảy ra mâu thuẫn gì với nhau.

Bà L cho rằng tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Phạm T còn hàn gắn được, có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm T.

Về con chung, nợ chung và tài sản chung: Bà L khai không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ông Phạm T gửi đơn đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên việc hòa giải không tiến hành được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Phạm T và bà Thạch L là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại Hoa Kỳ, bị đơn có nơi cư trú tại Thành phố H nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 12.11.2018, nguyên đơn ông Phạm T gửi đơn đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và ngày 08.01.2019 bà Thạch L gửi đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 06.11.1997 do Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân huyện ĐT, tỉnh LD cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm T và bà Thạch L là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của ông Phạm T và bà Thạch L, Hội đồng xét xử nhận thấy: ông Phạm T hiện đang sinh sống và làm việc ở Hoa Kỳ còn bà L đang ở Việt Nam. Nguyên đơn cho rằng do khoảng cách về địa lý nên cả hai không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc và chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống, không tìm được điểm chung dẫn đến việc không thể hiểu nhau khiến cho mối quan hệ vợ chồng dần dần trở nên xa cách và mờ nhạt, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết nên yêu cầu được ly hôn; bà Thạch L không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp để hàn gắn đồng thời bà cũng không thể sang Mỹ sinh sống nên khả năng đoàn tụ như bà L trình bày là không thể. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm T và bà Thạch L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông Phạm T yêu cầu ly hôn với bà L để ổn định cuộc sống, đây là nguyện vọng chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

2.2. Về con chung: Ông Phạm T và bà Thạch L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm T và bà Thạch L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm T được ly hôn với bà Thạch L.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Phạm T chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2017/0049967 ngày 19.10.2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông Phạm T không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Phạm T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bà Thạch L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- UBND H.ĐT,
Tỉnh LĐ;
- Các đương sự;
- Sở Tư Pháp TPH;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Bích Loan

